

PHÁP HOA NGHĨA SỞ

QUYỂN 8

PHẨM DƯỢC THẢO DỤ THỨ NĂM

Sở dĩ có phẩm này bắt đầu tập Hoa Nghiêm tập hợp đến cuối trước hội Linh Sơn gọi là khai hiáo năm thừa, từ đầu kinh này đến cuối phẩm Tín Giải hợp năm thừa qui về một thừa. Nay một phẩm đây nêu dụ giải thích đầy đủ nghĩa khai hiệp. Từ một đất sanh, một trận mưa thấm nhuần tức dụ chí lý không hai cho nên hiệp năm thừa để qui một, mà các cây cỏ đều có sai khác, nghĩa là tùy căn tánh năm thừa nói năm thứ giáo môn gọi là khai, nếu chỉ khai mà không hợp thì được giáo mà mất lý, nếu chỉ hiệp mà không khai thì được lý mà quên giáo. Cho nên, nay nêu tuy khai mà hiệp, tuy hiệp mà khai; tuy hiệp mà khai, một mà thường năm, tuy khai mà hiệp, năm mà thường một, đủ biết khai hiệp lý giáo mới thành. Vì thế, dùng phẩm này giải thích thành nghĩa Nhất hóa khai hiệp. Nhưng tuy khai mà hiệp, hiệp gọi khai hiệp, tuy hiệp mà khai, khai gọi hiệp khai, hiệp khai tức chẳng khai, khai hiệp tức chẳng hiệp, cho nên chẳng khai chẳng hiệp chẳng năm chẳng một mà gương làm khai hiệp. Nên văn dưới chép: rốt ráo Niết-bàn thường vắng lặng tướng cuối cùng trở về “Không”: Vì các pháp thể chân thật nên gọi là diệu, không bị các bên làm ô nhiễm nên gọi là hoa sen.

Kế là luận Pháp Hoa nói rõ ý phẩm này: Nhà lửa dụ cho phá bệnh của phàm phu, cùng tử dụ cho phá bệnh Nhị thừa, mây mưa dụ cho phá bệnh Bồ-tát. Bồ-tát nghe trên nói chỉ có Nhất thừa liền cho rằng rốt ráo không còn Ba thừa phương tiện, đây tức là được thật mất quyền, còn thể quên dụng. Nhưng biết quyền mới chính là ngộ thật, thấu đạt dụng mới xét thấy thể. Đã không biết quyền thì cũng không ngộ thật tức quyền thật đều tan, thể dụng đều mất. Vì trị bệnh này nên nói về tuy từ một đất sanh ra, một mưa thấm nhuần mà các cây cỏ đều có sai khác, tuy chí lý không hai mà ở duyên có năm, vì thế nghĩa quyền thật thành tự, thể dụng mới nói lên. Kinh này đã gọi là “Giáo Bồ-tát pháp Phật sở hộ

niệm”, cho nên khiến Đại sĩ lia bệnh phàm phu Nhị thừa và bệnh Bồ-tát mới gọi là giáo Bồ-tát pháp Phật sở hộ niệm.

Kế là dựa theo ý thuật thành tựu sanh khởi phẩm này tức là: Một phẩm Thí dụ chính là nói về nói giáo, Phẩm Tín Giải nói về trung căn lãnh giải, nay một phẩm này là Như lai thuật sự thành tựu. Thuật thành là nói theo dụ, tất cả cây cỏ gồm có hai nghĩa:

- 1) Không biết đồng.
- 2) Không biết khác.

Không biết đồng nhau là không biết từ một đất sanh, một mưa thấm nhuần. Không biết khác là không biết cây cỏ tự có khác nhau. Nếu như có một bụi cỏ tốt lành năng biết đồng khác tức là loại đặc biệt; người bầm thọ giáo cũng có hai điều mê:

- 1) Không biết lý đồng.

2) Không biết duyên có khác, mà Ca-diếp là người năng biết lý đồng, năng biết giáo khác chính là người đặc biệt. Cho nên văn dưới chép: Như cỏ cây kia không tự biết tánh thượng trung hạ của chính nó.

“Ca-diếp! Các ông rất là ít có có thể biết Như lai tùy nghi nói pháp hay tin hay nhận: cho nên nêu ra mây, mưa cỏ thuốc thuật thành Ca-diếp lãnh giải. Nếu đối chiếu Ca-diếp ở Phẩm Tín Giải nói mười thí dụ, mười ân khen ngợi công đức Phật cũng còn chưa hết, nên lại nói thí dụ mây, mưa, cỏ, cây rộng khen ngợi Như lai thật vô phương đại dụng cứu giúp khắp lợi ích chúng sanh, khen ngợi không thể hết nên nói phẩm này. Nếu để giải thích thành Phẩm Tín Giải: trên nói về mười thí dụ mười ân, vô lậu vô vi là vua các pháp có thể vì kẻ hạ liệt nhần việc cao thượng đó, tức thời chúng cho rằng bắt đầu Phật quá khứ đến cuối cùng ở hội này, Đức Phật thật là khổ nhọc dụng quyền khéo léo cho nên nay nói Như lai tuy thuận theo theo mà vô tâm quyền biến. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm chép: Vô tâm đối với kia đây mà năng ứng khắp tất cả. Cho nên nay nói thí dụ mây mưa vô tâm để giải thích thành tựu Phẩm Tín Giải.

Nói Phẩm Dược Thảo Dụ: Dược là gọi chung tên thuốc trong các cây cỏ để trị bệnh, thảo là tên riêng của hình cây, mà nói cỏ thuốc là nêu cả hai chung riêng. Chỉ nói cỏ thuốc không nói cây thuốc: là nói cây hai là ít, thảo ba tức nhiều cho nên nói theo nhiều. Lại nay chính là nói người trung căn lãnh giải cho nên đề dụ cỏ thuốc không đề cây thuốc. Sở dĩ nêu dụ cỏ thuốc cho người trung căn gồm có ba nghĩa:

- 1) Lãnh thọ giáo được giải giải sanh thì có thể diệt hoặc, dụ như nghĩa cỏ thuốc trị bệnh.

2) Cỏ thuốc năng trị lành các bệnh cho người, dụ nghe giáo được giải tức thành Bồ-đề ắt có công cứu giúp.

3) Cỏ thuốc quý nhất trong các thứ cỏ nói lên tôn quý trong hàng Bồ-tát, khác với Thanh văn trên chưa được lãnh ngộ như cùng tử thấp kém.

Hỏi: Cỏ thuốc vô tình mà thấm nhuần, bầm thọ giáo có tâm mà lãnh giải, sao xếp vào thí dụ?

Đáp: Muốn nói về nghĩa duyên giáo tương xứng, mây mưa vô tư mà tưới nhuần, cỏ cây vô tâm mà nhận, hoặc vô tư mà tưới thấm, hữu tâm mà nhận tức duyên giáo trái nhau do đâu lãnh giải cho nên nói căn bản vô tâm, hiển giáo vô tư. Có thể nói rằng nói pháp là không nói không chỉ bày, kia nghe pháp là không nghe không đắc, cũng nói như huyễn nói, nghe như huyễn nghe, không có nói mà hiển đạo, dứt nghe mà mưa hoa tức là việc ấy.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Văn nói pháp ấy không thể chỉ bày tương ngôn từ vắng lặng, nay ta đã chỉ bày tức không thể chỉ bày, tuy chỉ bày mà không nói, cũng là nghe không thể nghe, tuy nghe mà bật nghe.

Hỏi: Thí Dụ cỏ thuốc, Hóa thành đều là nêu dụ. Vì sao nhà lửa gọi riêng tên Thí dụ?

Đáp: Chung đều xen lẫn được, mà riêng không khéo lệ nhất định, nhà lửa ở đầu cho nên gọi tên chung, các phẩm khác đều ở sau nên gọi tên riêng.

Hỏi: Văn nêu đầy đủ bốn việc mây, mưa, cỏ, cây. Vì sao chỉ đề tên Dược Thảo?

Đáp: nói theo văn: cỏ thuốc là trước dụ cơ cảm vào Thánh, mây mưa ở sau dụ cho hình và tiếng ứng vật, phải do cảm mới ứng cho nên từ đâu đặt tên. Lại nay nói trung căn lãnh giải cho nên đề tên Phẩm Dược Thảo, mây mưa không đúng nên không nói tên.

Hỏi: Nêu Dược Thảo để thuật thành cho nên nói Phẩm Dược Thảo, trên nói cùng tử do lãnh giải nên nói phẩm Cùng tử ư?

Đáp: Cùng tử có cả mê ngộ, nay nói tín hiểu nên dùng tên riêng. Cây cối chung cả thuốc độc, nay nói cỏ thuốc cũng đặt tên theo riêng.

Hỏi: Trên nói cùng tử tín giải, từ tín giải để đặt tên, nay nói Như lai thuật thành xếp vào tên ư?

Nay nói Phẩm Dược Thảo có thể bao hàm hai nghĩa:

1) Dược thuật thành trung căn lãnh giải.

2) Nói rộng Phật giáo lợi ích vô biên. Thuật thành chỉ được thành

mà trước thiếu nghĩa sau cho nên không nói phẩm Thuật Thành.

Lại, lãnh giải đề tin hiểu căn cứ pháp đặt tên, thuật thành gọi là Dược Thảo căn cứ dụ làm tên, muốn cho cả hai pháp thí đều có không nên một loại đề đặt tên. Phẩm chia làm hai:

- 1) Thuật thành sở giải.
- 2) Rộng khen ngợi công đức của Phật.

“Phật bảo ngài Ma-ha Ca-diếp”: Ca-diếp là bậc tôn quý trong người trung căn lại là chủ nói thí dụ cho nên bảo riêng. “Và các vị đại đệ tử:” là các vị Thiện Cát v.v... “Hay thay! Hay thay!” Thích Luận chép: Hai lần nói hay thay v.v... là rất vui. “Đúng như lời các ông vừa chép:” là hai lần khen thuật khéo nói việc kia Đúng như lời nói là ấn định đúng với sự thật. Nhưng khen ngợi có bốn trường hợp: Hoặc nói khéo mà việc không thật, hoặc việc thật mà nói không khéo, hoặc cả hai đều đầy đủ, hoặc cả hai đều không. Nay cả hai đều đủ. “Như lai lại có vô lượng công đức”: là rộng khen công đức của Phật. Y cứ văn chia làm hai: Văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi chia làm hai:

- 1) Nói lược công đức của Phật vô tận.
- 2) Giải thích rộng công đức của Phật là vô cùng.

Trên nói khéo nói sự thật, bởi là tích một phương, hóa vô phương chưa hết, hóa vô phương, thì chẳng phải Ca-diếp có thể hiểu hết. Kinh Tịnh Danh nói Phật có ba danh hiệu, Thanh văn trong cõi Tam thiên Đại thiên như A nan tổng trì dùng tuổi thọ một kiếp còn không thể thọ trì hướng chỉ là vô lượng hiệu. Hiệu còn như vậy huống chỉ là công đức. Vì sao? Vì pháp thân tức là thật tướng thật tướng vô biên nên công đức vô biên, ứng thân có các phương tiện của số chúng sanh... tức công đức cũng không hết được.

“Ca-diếp nên biết! Đức Như lai tự tại đối với các pháp” v.v... là rộng khen ngợi công đức của Phật vô cùng. Văn này có hai phần:

- 1) Pháp thuyết nói về, hai trí quyền thật.
- 2) Thí nói hình tiếng lợi ích chúng sinh.

Trong có hai trí không sâu xa nào không đến, ngoài có hình tiếng lợi vật bình đẳng vô tư, bởi tận cùng đến nguồn Thánh đức, tận cùng hóa công Như lai nên nói lược hai thứ này. Trong phẩm Tín Giải có mười dụ mười ân, nay Như lai đối với trên mà nói về tám pháp tám dụ. Nói tám pháp.

- 1) Vua các pháp.
- 2) Nói không dối.

- 3) Nói tất cả giáo.
- 4) Đồng nêu một lý.
- 5) Khen ngợi Phật có trí chiếu lý.
- 6) Khen ngợi Phật có khả năng biết căn cơ.
- 7) Khen ngợi Phật khéo biết giáo môn.
- 8) Khen ngợi Phật ứng căn cơ nói giáo.

Như lai tự tại đối với các pháp: trong mười dụ mười ân chỉ nói về hóa một phương tức chưa thể tự tại, nay nói tự tại đối với các pháp là biết vô phương giáo hóa. Nhưng tự tại đối với pháp gồm đầy đủ hai thứ:

- 1) Thể pháp tự tại.
- 2) Hóa dụng tự tại.

Đủ hai tự tại này gọi là Vua pháp “nếu có nói ra lời chi đều không hư dối”. Là nêu lời phật nói không lường dối, đã siêu vượt kia khen ngợi nói giống như quá thật, cho nên nay nói thật. Nói thật sự nhiều lược có ba thứ:

- 1) Như lai thường y theo hai đế nói pháp nên không hư dối.
- 2) Năng dùng trí khéo léo đối một nói ba, nói ba ý chỉ để khuyên nhất lý nên đối lý là không dối. Lại đối vật thật lợi ích nên nói không dối.

3) Căn cứ vô phương giải thích, Như lai nói thật cũng thật, nói suông cũng thật, thuận nói cũng thuận, trái nói cũng thuận, do đều năng khai đạo năng làm lợi ích chúng sinh cho nên chẳng có gì không thật, chẳng có gì không thuận. Kinh Niết-bàn nói về bốn trường hợp: Đạo nói là đạo, phi đạo nói phi đạo, đạo nói phi đạo, phi đạo nói đạo. Dùng đạo tâm mà nói bốn câu, thì bốn câu đều là đạo, dùng tâm phi đạo mà nói bốn câu, bốn câu đều phi đạo. Cho nên kinh Tư ích chép: tất cả pháp chính là tất cả pháp.

“Đức Phật đối với tất cả pháp dùng trí phương tiện, mà giảng nói” v.v... là nói tất cả giáo. Sở dĩ nói tất cả giáo là trong nói mười dụ mười ân vì là giáo một phương, biện giáo còn chưa hết, cho nên nay nói về nói tất cả giáo mới gọi là cùng. Tất cả pháp: luận Trí độ chép: hữu vi, vô vi gồm nhiếp tất cả pháp, lại thức biết các pháp trí biết các pháp cũng thu nhiếp tất cả pháp. Lại nói năm pháp tụng thu nhiếp tất cả pháp. Ba đời vô vi và không thể nói, không thể nói tức là thật tướng các pháp, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi ngôn từ suy nghĩ đều bật dứt. Chánh Lượng Bộ chép: Bất khả thuyết thứ năm ấy tức là mười bốn vô ký. Luận Địa Trì chép: bốn pháp nhiếp tất cả pháp nghĩa là thế đế và

thế đế trí, bậc nhất nghĩa đế và bậc nhất nghĩa đế trí. “Dùng trí phương tiện”: Câu trên là nói giáo sở thuyết, nay nói trí năng nói, trí nghĩa là Bát-nhã, phương tiện, tức là Ủ-hòa. Hai thứ này là cha mẹ Chư Phật, là phương pháp cần thiết hóa độ chúng sanh cho nên nói nay chính dùng trí làm thể phương tiện làm dụng, cho nên dùng trí phương tiện nói tất cả pháp. Pháp của Phật nói đều đến địa nhất thiết trí là đồng nói giáo để nêu lý. Ở trên nói dùng trí phương tiện nói tất cả giáo tức là nói khéo diệu, câu này nói giáo nêu lý nghĩa là nghĩa sâu xa kia. Tuy dùng trí phương tiện nói tất cả pháp, đại tông cuối cùng đều trở về chánh quán nhất thiết trí. “Như lai thấy biết chỗ trở về của tất cả pháp...” là nói Phật biết tất cả pháp chung qui đến cùng cực. Văn này giải thích trên nói đều trở về địa nhất thiết trí. Do Như lai khéo biết lý không có thú hưởng khác, nghiệm biết trước nói khác đều là đến nghĩa nhất thiết trí. “Cũng biết chỗ tâm sở hành của chúng sanh thông suốt vô ngại...” Câu này nói Phật khéo biết căn tánh. Đã biết lý một mà nói có muôn sai khác. Do thông đạt căn tánh người tùy theo sự thích nghi. “Lại đối với các pháp rốt ráo biết hết”; câu này là nói khéo biết pháp vượt, đối với trên thấu đạt căn tánh người. “Chỉ bày tất cả trí tuệ cho các chúng sanh”: câu này ứng bệnh cho thuốc, không có căn cơ khác nhau.

“Thí như trong cõi Tam thiên đại thiên...” là Thí nói. Trước khai thí, kế hợp thí, nay dùng ba nghĩa giải thích văn thí dụ này:

- 1) Chia rộng có tám thí dụ.
- 2) Hiệp tám làm bốn thí dụ.
- 3) Hiệp bốn thành hai thí dụ.

Nói tám thí dụ:

- 1) Đất là năng sanh.
- 2) Cây cỏ là sở sanh.
- 3) Mây giăng.
- 4) Mưa rơi xuống.
- 5) Thọ sự thấm nhuần.
- 6) Thêm lớn.
- 7) Đồng một đất, một trên mưa.
- 8) Cỏ cây khác nhau. tám thứ này tức là thứ tư.

Trước có đất năng sanh, kế có cỏ cây sở sanh, do có cỏ cây cho nên mây giăng, trước đã giăng mây kế sẽ mưa. Đã có mây mưa thì cây cỏ thọ nhận, trước đã thấm nhuần sau liền thêm lớn, tuy có thấm nhuần thêm lớn nhưng đều do một mưa thấm một đất sanh ra, tuy năng sanh năng nhuận là một mà các cỏ cây mới có khác nhau, nên có thứ lớp tám

thí dụ này. Nhưng đủ tám thí dụ, nghĩa mới tròn đầy, nay lược hiệp: Đời quá khứ Phật giáo năng sanh như đất, sở sanh năm thừa hạt giống gốc lành như cỏ cây. Đã có hạt giống năm thừa cảm Phật ra đời cho nên như mây giăng, Như lai ra đời ắt nói chánh pháp kể nêu mưa rơi, chúng sanh ban đầu bắm thọ Phật giáo vui mừng cho nên gọi là thấm nhuần. Đều nhờ lợi ích mà thêm lớn, chí lý không hai như một đất một mưa; đối với năm thừa được lợi ích khác nhau như cỏ cây khác nhau.

Kế hiệp tám dụ thành bốn: cặp đầu tiên là năng lãnh thọ, cặp thứ hai là sở lãnh thọ, cặp thứ ba là chánh lãnh thọ, cặp thứ tư là nói về đồng khác. Kế hiệp bốn dụ làm hai: Ba cặp đầu là lãnh thấm nhuần ví như ở giáo xưa, một cặp sau luận đồng khác ví như ở giáo nay.

“Thế giới Tam thiên đại thiên:” Có người nói đây dụ cho nơi chúng sanh trong năm thừa cư trú, dưới nói về cây cỏ dụ chúng sanh năng trụ trong năm thừa. Có người nói đất là năng sanh ví như tập nhân đời quá khứ, cỏ cây là sở sanh dụ cho tập quả đời hiện tại. Nay cho rằng mặt đất dụ cho Phật giáo đời quá khứ, Phật giáo vô tư năng sanh gốc lành cho chúng sanh ví như đồng mặt đất, cho nên văn dưới chép: Từ một đất sanh ra tức chứng minh kia. Hạt giống năm thừa được sanh ra ví đồng với cỏ cây, chỉ Phật giáo quá khứ rộng lớn vô biên ví đồng với thế giới Tam thiên đại thiên. Đây là đối với Ca diếp khen ngợi dấu tích một phương của Phật, nay muốn khen ngợi hóa vô phương cho nên nêu đại thiên làm dụ. “Núi sông, khe, hang, ruộng, đất: trên khen ngợi chung Phật giáo năng sanh, nay khen ngợi riêng năm thừa làm năng sanh. Có người mỗi mỗi dụ phối riêng nhưng nghĩa thường không giống, nay nên lược. “Sanh ra cây cối lùm rừng” là nói cây cối sở sanh. Trước năng sanh có hai: Đại thiên là chung, sông núi là riêng, nay sở sanh cũng có hai:

- 1) Chung;
- 2) Riêng.

Cây cối lùm rừng: là nói chung sở sanh. Lùm là gọi chung trăm thứ cây cỏ, cây là gọi chung các cây; cỏ nhóm lại thành lùm, lùm cây là rừng, đây dụ nói chung chúng sanh năm thừa. “Và các cỏ thuốc” nói riêng sở sanh, cỏ có công năng trị bệnh gọi là cỏ thuốc. Sở sanh riêng ấy là nhiều, mà đề nghiêng về lấy tên cỏ thuốc cũng như cỏ kia có công trị lành bệnh, nhiều lợi ích tức là nghiêng về người trung căn lãnh giải thành tựu Bồ-đề; trên nói đời Phật dưới làm lợi ích chúng sanh. “Bao nhiêu giống loại tên gọi này sắc đều khác...” giải thích chung cỏ cây có nghĩa sai khác, giống là giống riêng, loại là phẩm loại, nói lược loại cỏ

có ba, loại có hai, hợp thì có thể biết. Tên gọi màu sắc đều khác nhau: Tên để gọi thể, sắc giống như ngoại hình, dụ chúng sanh năm thừa tên gọi khác nhau, thể tướng khác nhau.

“Mây dày bủa giăng”: là nêu mây giăng. Trước nêu cỏ cây là hạt giống năm thừa tức năng cảm, do cảm mới có được ứng cho nên nối tiếp Chư Phật xuất thế, dụ như giăng mây tức là ứng. Mây dụ cho pháp thân.

1) Vô tâm mà ứng dụ như mây. Hoa Nghiêm nói về vô tâm với kia đây mà năng ứng tất cả.

2) Ứng thân thấm nhuần lợi ích ví như mây.

3) Năng ngăn nóng ví chung như mây.

4) Pháp thân vì nói vốn như mây, vì mưa vốn dụ như mây mà gọi là mây, tức lợi ích sâu nặng bủa giăng: Rộng lợi ích, trùm khắp Tam thiên Đại thiên thế giới: bình đẳng lợi ích khắp, như Hoa Nghiêm chép: Thân kia ngời khắp tất cả đạo tràng tức là nghĩa có duyên đồng thấy. Kinh Niết-bàn chép: Mây gọi là hơi thở của rồng, bởi rồng có mây, do mây có mưa, do pháp nhân thù ứng thân, do ứng thân mà nói pháp. “Đồng thời mưa rơi xuống khắp nơi thấm nhuần:” là nói thí dụ về mưa. Pháp, thí không trước sau cho nên nói đồng thời, lại nói có cảm đồng ứng lại như nhất thời, vì nói không nghiêng lệch cho nói rơi xuống lợi ích khắp vô biên nghĩa đồng thấm nhuần khắp. “Cây cối lùm rừng:” là nói thí dụ thọ nhận: Ban đầu lãnh thọ Phật giáo, tín nhận vui mừng gọi là thấm nhuần.

Văn chia làm ba:

1) nói chung thấm nhuần.

2) “Và các cỏ thuốc” là nói riêng thấm nhuần.

3) Gốc thân nhánh lá: là dụ bốn pháp tín, giới, định, tuệ. Ba loại cỏ đều có bốn pháp gọi là thượng trung hạ, tùy thượng trung hạ mỗi mỗi đều có sở thọ là tổng kết thấm nhuần.

“Một cụm mây tuôn mưa xuống:” là nói thí dụ thêm lớn, cũng có ba câu:

1) nói năng thấm là một.

2) Xứng theo chủng tánh: là nói giáo xứng duyên.

3) “Mà được sanh trưởng”: chánh nêu sanh trưởng. Người chưa sanh gốc lành năm thừa thì khiến cho sanh, người đã sanh gốc lành năm thừa thì khiến cho thêm lớn, đều thành nhân năm thừa như hoa đều thành quả năm thừa như thật, sau hiệp trong thí dụ lại có nghĩa khác, hiện ở văn dưới. “Dù một đất sanh một trận mưa thấm nhuần”: là nói

về năng sanh là thí dụ đồng nhau. “Mà các cỏ cây đều có khác nhau”. Là dụ sở sanh khác nhau. Ba thí dụ trước nói về giáo xưa đã rồi, giáo xưa tuy nhiều nhưng không ngoài ba thứ: Năng bảm thọ, sở bảm thọ và chánh bảm thọ. Nay hai thí dụ này luận năng sanh là đồng, sở sanh có khác, tức là chí lý không hai đối duyên được lợi ích khác nhau. Sở dĩ luận đồng khác: Vì muốn phá hai bệnh xưa nay khen ngợi hai người. Phá hai bệnh xưa nay: Xưa người năm thừa chánh chấp giáo khác, không biết lý đồng, lãnh thọ nay nhất thừa giáo, người bèn chấp nghiêng về lý đồng không biết giáo khác, vì phá hai người này nên nói lý tuy đồng mà không mất giáo khác, tuy hiáo năm thừa khác mà chí lý thường đồng. Do đó văn chép: Tuy một cõi đất sanh một trận mưa thấm nhuần mà các cỏ cây đều có khác nhau. Lại phá hai bệnh: Xưa người năm thừa không biết ở lý không hề có hai, không biết ở duyên không hề có một, vì phá bệnh này nên nói đối với đất mưa không hề có khác, cỏ cây không hề có một. Nay người lãnh thọ giáo Nhất thừa tuy biết chí lý không hề khác, mà không biết ở duyên chưa từ một, vì phá bệnh này nên nói đất mưa không hề khác, cỏ cây không hề một, Xưng tán hai người là:

- 1) Xưng tán Phật có khả năng biết đồng khác.
- 2) Xưng tán Ca-diếp có khả năng biết đồng khác.

Năng biết đồng: gọi là lý một. Năng biết khác gọi là giáo khác. Lại năng biết đồng ở lý không khác, năng biết khác là ở duyên thành khác.

“Ca-diếp nên biết! Đức Như lai cũng giống như vậy vậy.” là nói hợp thí. Chỉ hiệp bả thí không hợp thí mặt đất, vì mặt đất là Phật giáo quá khứ, nay chính nói về pháp môn hiện tại cho nên lược không hợp. Căn cứ hợp bả thí dụ chia làm hai chương:

- 1) Hợp năm thí dụ trước.
- 2) Hiệp thí dụ mưa đồng khác ở sau.

Do năm dụ trước nói về giáo xưa thí dụ sau nêu giáo nay nên chia làm hai đoạn hiệp.

Hợp đầu năm dụ lại chia làm hai:

- 1) Chánh hiệp năm dụ.
- 2) Nêu thí dụ rõ lại.

Căn cứ hiệp năm thí dụ trước chuyển thế nói về nghĩa và Thí nói khác nhau:

- 1) Dụ hiệp mây.
- 2) Dụ hiệp cỏ cây.
- 3) Dụ hiệp mưa.

4) Dụ hiệp thắm nhuần.

5) Dụ hiệp thêm lớn.

Sở dĩ cùng thí dụ vốn khác nhau là vì thí dụ vốn muốn nói về do cảm nên ứng, cho nên trước nói về cỏ cây sau biện mây mưa. Nay muốn nói về trước có Như lai ra đời xưng lên đức hiệu cho nên trước hiệp mây, chúng sanh nghe xưng đức hiệu cho nên đến chỗ Phật, nên kể hợp cỏ cây, chúng sanh đã đến chỗ Phật, Như lai liền vì họ nói pháp, nên kể hợp mưa, chúng sanh nghe pháp vui mừng nên kể hợp thắm nhuần, đều nhờ lợi ích nên kể hợp thêm lớn.

Vấn hiệp mây lại chia làm hai:

1) Chánh nêu đức hiệu hiệp mây.

2) Khuyên vật đến nghe thọ.

Căn cứ đầu hiệp mây lại chia làm bốn:

1) Nêu hình hiệp mây.

2) Nêu chung tiếng hiệp mây.

3) Nêu hiệu bên ngoài hiệp mây.

4) Nêu đức bên trong hiệp mây. Nghĩa là hình tiếng trong ngoài nhiếp nghĩa tóm lược hết. Đầu tiên chính là nêu hình hiệp mây, kể thí dụ rõ. Dùng đại âm thanh, nói chung tiếng hiệp mây, kể cũng dùng dụ. “Mà xưng lời này”: Nêu hiệu bên ngoài hiệp mây, cho nên nêu mười hiệu: Dùng hiệu khiến thiên hạ đều biết là Đức Phật ra đời khác chín mươi sáu sư ngoại đạo. “Người chưa được độ thì làm cho được độ”; là nêu đức bên trong dùng hiệp mây. Trong nội đức trước nêu bốn mở rộng thệ là ở đây nói ý Như lai ra đời. Như lai sở dĩ ra đời: bởi xưa có bốn thệ nguyện, vì vậy nay nêu mười hiệu xuất hiện ở đời. Cho nên Tăng Triệu nói: kết Tăng na đối với người sơ tâm cuối cùng dùng đại bi phó nạn tức ý văn này. Kinh Anh lạc chép: căn cứ bốn đế lập bốn mở rộng thệ nguyện, người chưa vượt qua biển khổ thì giúp cho họ vượt qua biển khổ, cho nên nói người chưa độ khiến được độ. Chúng sanh nghiệp bị phiền não tập đế trói buộc muốn giúp cho giải thoát nên nói người chưa ngộ làm cho tỏ ngộ, người chưa an trong đạo đế khiến cho được an, người chưa đắc diệt đế Niết-bàn khiến cho được đắc. Hai thứ trước tức nguyện đại bi, hai thứ sau tức nguyện đại từ. “Đời nay đời sau Đức Phật đều biết đúng như thật”: Trên nêu bốn thệ nguyện xưa, nay nêu bốn đức, nhưng đức và nguyện đều hiệp mây, đều y cứ dụ để lập danh. Đức đầu tiên tức là ba đạt. Xét rằng muốn hóa vật thì phải biết căn tánh kia, căn tánh chúng sanh hành trong ba đời cho nên trước nêu ba đạt. “Ta là bậc nhất thiết trí tức là Nhất thiết trí”. Ba đạt chỉ biết có trí hữu vi

nên kể nói nhất thiết trí tức đủ biết tất cả pháp. “Bực nhất thiết kiến”: Nhưng người Nhị thừa lại có Nhất thiết trí, như Đại phẩm, phẩm Ba tuệ chép: Vì người Nhị thừa không có năm thứ mắt nên nói Nhất thiết kiến. “Là bậc Tri đạo bậc Khai đạo bậc Thuyết đạo”: tuy có các công đức trên, ý muốn chúng sanh nhập đạo nên kể là nói Đạo sư. Nhưng nói đạo là có cả tà chánh, thiện ác ở tâm gọi là tri, mở ra hai đường tà chánh gọi là khai, quanh co chỉ bày thông bát gọi là nói. “Các người hàng trời người...” là khuyên vật đến nghe nhận.

“Bấy giờ có vô số...” là hợp thí dụ cỏ cây tức nhận lời khuyên mà đến. “Lúc đó đức Như lai v.v...” là hợp thí dụ mưa rơi. “Chủng loại nhiều vô lượng”: là hiệp thắm nhuần chính do ban đầu nghe nói pháp tâm sanh vui mừng là thắm nhuần. “Khiến vui mừng được nhiều lợi ích”: hợp thí dụ tăng trưởng, câu này hiệp chung về tăng trưởng. “Các chúng sanh này nghe pháp rõ: là hiệp riêng thêm lớn có hai: Trước căn cứ lợi thế gian hiệp thêm lớn. “Hiện đời an ổn”: Do nghe pháp nên hiện đời chướng diệt thiện sanh được an ổn. “Đời sau sanh về chỗ lành”. Là nói sanh báo “do đạo mà thọ lạc”: nói báo đời sau. Nhưng văn này chung cả sanh báo hậu báo, mà tạm y theo hậu báo để nói. Do nghe chánh đạo cho nên cảm quả báo an vui, vì vậy nói do đạo thọ lạc. “Cũng được nghe pháp”: là nói được lợi ích ra đời, dùng hiệp thêm lớn cũng có ba câu: Đầu là văn tuệ, “liạ các chướng ngại” là tư tuệ. “Theo sức mình chịu được”: là tu tuệ.

Như mây lớn kia: Nêu thí dụ hiệp. Nay ở đây là nói về mây. “Mưa rưới nước khắp tất cả”: là nói về mưa. “Cỏ cây lùm rừng”. Là nói về cỏ cây. “Theo giống của mỗi thứ”: là nói được thắm nhuần. “Mỗi thứ đều được sanh trưởng”: thêm lớn, đều hợp với trên.

“Như lai nói pháp một tướng một vị v.v...” hợp đồng khác. Văn cũng có hai:

- 1) Chánh hợp đồng khác.
- 2) Nêu biết không biết.

Hiệp đồng khác dụ có hai:

- 1) Hiệp một cõi đất một trận mưa gọi là hợp đồng.
- 2) Hiệp mà các cỏ cây đều có khác nhau gọi là hiệp khác. “một tướng một vị:” Hiệp trên một cõi đất sanh, một trận mưa thắm. Một tướng gọi là một thật tướng hiệp một cõi đất. một vị gọi là một trí vị hiệp với trên một trận mưa, cho nên kệ dưới chép: “Vùng mây kia mưa xuống, nước mưa thuần một vị. “Nghĩa là tướng giải thoát” giải Thích-cả hai nghĩa một tướng một vị. Thoát khỏi năm trụ phiền não trói buộc

là tướng giải thoát, lìa nghiệp trong ngoài ba cõi gọi là tướng xa lìa, diệt quả khổ sanh tử gọi là tướng diệt: “rốt ráo đến Nhất thiết chủng trí:” là giải thích một vị trên. Lìa ba tướng trước, nên hệ lụy đều trừ hết, do lìa ba tướng nên soi chiếu đều tròn đầy, soi chiếu tròn đầy nên chẳng phải không có, hệ lụy đều hết nên chẳng phải có, tức là pháp Trung đạo. “Có chúng sanh nào”: Hiệp trên: mà các cỏ cây có khác nhau”. “Không tự hiểu biết”: là nêu biết không biết.

Văn chia làm hai:

- 1) Đức Phật biết đồng khác chúng sanh không biết.
- 2) Khen ngợi Ca-diếp biết được đồng khác.

Tức là phá hai bệnh khen ngợi hai người. Căn cứ đầu lại có hai:

- 1) Chúng sanh không biết khác, Đức Phật biết khác.
- 2) Phật biết đồng, chúng sanh không biết đồng.

Đầu văn chia làm bốn:

- 1) Nói chúng sanh không biết.
- 2) Nói chỉ có Phật mới biết.
- 3) Kết thúc chỉ có Phật mới biết.
- 4) Kết thúc chúng sanh không biết.

Đầu tiên chép: “Tự mình không hay biết”. Là bởi không biết lý đồng, đối duyên thành khác cho nên nói không biết. Nhưng chúng sanh năm thừa chẳng phải không biết năm thừa khác. “Vì sao? Vì chỉ có Như lai biết”: là nói chỉ có Phật mới biết, mà nói vì sao ấy là nói Phật năng biết, giải thích thành chúng sanh không biết.

Trong đây nói về Đức Phật biết bốn pháp:

- 1) Biết bốn pháp.
- 2) Biết ba pháp.
- 3) Biết hai pháp.
- 4) Biết một pháp.

Biết bốn pháp chủng là chủng biệt, Ba thừa chủng loại khác nhau. Tướng là tướng mạo, như từ bi là tướng Bồ-tát, một mình an tĩnh là tướng Duyên giác, theo người khác nghe pháp là tướng Thanh Văn. Thể là thể Ba thừa, đạo chúng tuệ là thể Bồ-tát, nhất thiết trí là thể Nhị thừa, như phẩm Ba Tuệ nói. Tánh: là không thay đổi làm nghĩa, trước trí thể Ba thừa đều trú nơi phần mình không thay đổi lẫn lộn.

“Nhớ việc gì?” Nêu biết ba tuệ, nhưng ba tuệ khác nhau, hoặc dùng người Ba thừa làm ba tuệ, Thanh văn trí cạn như Văn tuệ, Duyên giác trí Tiểu thừa sâu là Tư tuệ, Bồ-tát tận lý như Tu tuệ, cũng đắc Ba thừa đều có Ba tuệ. Văn có ba phen:

- 1) Nói cảnh Ba tuệ.
- 2) Thể của ba tuệ.
- 3) Biện nhân của ba tuệ.

Tác ý chấp cảnh làm niệm (nhớ) tức Văn tuệ, trái tâm tư duy là Tư tuệ, thâm nhập là Tu tuệ. Gọi chung chữ “Việc” là lấy cảnh làm việc. Theo Tỳ-đàm người Ba thừa đồng quán cảnh tứ đế sanh ba tuệ, Tỳ-đàm nói văn tuệ chỉ duyên văn, tư tuệ chỉ duyên lý, tư tuệ hoặc khi duyên văn, khi duyên lý. Luận Thành thật nói chung quán 1 cảnh diệt đế, Đại thừa đồng quán một cảnh thật tướng duyên lý. Vị của Ba tuệ: Tỳ-đàm nói ba phương tiện trước là vị Văn, Tư, bốn gốc lành là vị Tu tuệ. Thành thật nói Tứ niệm xứ là vị Văn Tư tuệ, nhu pháp trở đi là vị Tu tuệ.

“Nhớ thế nào?..” là nói thể Ba tuệ, nghĩa là năng duyên tâm khác nhau. “Dùng pháp gì để nhớ?” v.v... là nói nhân ba tuệ, phương tiện khác nhau do nghiệp đời trước có khác. “Dùng pháp gì được pháp gì?” v.v... là nói hai pháp nhân quả. Dùng pháp gì gọi là nhân, đắc pháp gì gọi là quả, “Chúng sanh ở các địa...” Là nói Đức Phật biết một pháp gọi là địa. Mà nói các thứ: là địa vị năm thừa khác nhau.

“Chỉ có đức Như lai v.v...” kết chỉ có Phật biết. “Như cây cối lùm rừng...” là kết thúc chúng sanh không biết. “Như lai biết pháp một tướng v.v...” Nêu Phật biết đồng chúng sanh không biết đồng. Văn chia làm hai:

- 1) Nói Phật năng biết.
- 2) Nói ý xưa không nói tức nói chúng sanh không biết.

“Rốt ráo Niết-bàn thường vắng lặng cuối cùng trở về nơi không”... Có người chép: Tuy quá khứ vượt quá số cát như bụi nhỏ, vị lai lại gấp bội số trên, cuối cùng nhập vô dư khô đoạn Niết-bàn cho nên nói cuối cùng trở về Không, ở đây giải thích tuổi thọ Phật vô thường. Có người chép: y tướng che lấp nói thường giải thích: nói thường này là không, vô tướng bất khả đắc nên nói cuối cùng trở về Không. Có người chép: Trống không chẳng có hai mươi lăm hữu nên gọi vắng lặng. Nay nói có hai thứ:

1) Phàm Thánh cuối cùng đều trở về đại Niết-bàn nên nói trở về Không. Cũng như Tăng Triệu nói Niết-bàn vô danh. Luận chép: là chỗ không thể thấy nghe xét biết Tứ không mê muội, chín dòng do đó mà kết hợp qui về, các bậc Thánh ở đây ngậm hội nhập tức dùng ý văn này để soạn luận.

2) Từ xưa đến nay khai dụng của hiáo năm thừa đến hội Pháp Hoa dứt dụng qui về thể tức không còn chi nhánh năm thừa, vốn đối với năm

nên nói về không năm, đã không có năm cũng chẳng phải không năm, tức ngôn từ vắng lặng nên gọi là Không.

Hỏi: Ở trên nói cuối cùng trở về nhất thiết chủng trí có gì khác với nay ư?

Đáp: Chung là một đạo thanh tịnh, tùy nghĩa đặt tên hoặc gọi chủng trí hoặc gọi Niết-bàn hoặc gọi Nhất thừa hoặc gọi Bát-nhã cho nên trước nói Chủng trí, nay nói Niết-bàn. Nếu dùng hai văn hợp nhau, thì trước nói cuối cùng trở về chủng trí nghĩa là quả Tam-bồ-đề, nay nói trở về Niết-bàn nghĩa là quả quả. Bởi trí Nhị thừa chẳng phải trí rốt ráo nên cuối cùng trở về trí Phật, Niết-bàn của Nhị thừa chẳng rốt ráo nên cuối cùng trở về đại Niết-bàn. Trên hợp xe lớn cũng chọn hai nghĩa này hợp, như trước giải thích.

Hỏi: Vì sao nói riêng hai quả?

Đáp: có hai nghĩa:

1) Trí Niết-bàn hữu dư trí của Nhị thừa là chẳng rốt ráo nên nay nêu trí Phật rốt ráo.

2) Niết-bàn vô dư của Nhị thừa chẳng phải dứt rốt ráo nên nay nói dứt rốt ráo, nghĩa là hai quả tử mãi mãi bất vượt khỏi dòng năm trụ nên gọi là diệt độ.

Lại, trên nói rốt ráo chủng trí nghĩa là không cảnh nào không chiếu tức Bát-nhã, nay chẳng có lụy nào không vắng lặng, nghĩa là giải thoát mà pháp thân ở bên trong đó.

Hỏi: Đã nói trở về Niết-bàn, vì sao nói cuối cùng trở về Không?

Đáp: Hoặc gọi là rốt ráo Không, hoặc gọi là đại Niết-bàn hoặc gọi đạo của Chư Phật, nhưng Trung luận phá, phẩm Niết-bàn chính là phá bốn thứ Niết-bàn:

1) Phá hữu là Niết-bàn.

2) Phá không là Niết-bàn.

3) Phá vừa không vừa hữu.

4) Phá phi không phi hữu, mà sau kết luận rằng: Niết-bàn dứt bật bốn câu, siêu nơi trăm phi, không biết gọi làm sao nên gượng gọi là Không.

“Đức Phật biết như thế rồi v.v...” là nói Phật tuy biết lý nhất nhưng vì chúng sanh chưa có khả năng nên xưa không nói, đây tức nói lên chúng sanh chẳng biết đồng.

Hỏi: Câu trên nói Phật biết Niết-bàn, nay nói Phật biết tâm chúng sanh không kham nổi nên không nói Niết-bàn vì sao xưa không nói chủng trí ư?

Đáp: có hai nghĩa:

1) Muốn hiển đại Niết-bàn tức là chủng trí khác với Nhị thừa khỏi đoạn vô vi.

2) Nếu nói xưa không nói Niết-bàn đối với nghĩa không tiện vì xưa cũng nói Ba thừa đồng nhập vô dư. Tức dùng văn này trách các sư như Quang Trạch v.v.... Nếu cuối cùng trở về Không đã là khỏi đoạn Niết-bàn tức đã nói Phật biết Niết-bàn sao được nói xưa không nói khỏi đoạn Niết-bàn ư!

“Ca-diếp! Các ông là rất ít có v.v...” là khen ngợi Ca-diếp có thể biết đồng khác, xưa nay hai duyên đều có thiên chấp không biết đồng khác, mà Ca-diếp năng biết cho nên gọi ít có. Văn chia làm hai:

1) Chính khen ngợi.

2) Vì sao? Là giải thích khen ngợi, nhưng phải khen ngợi Ca-diếp biết đồng khác, chỉ đối xưa bệnh không biết khác là phương tiện, cho nên nay chỉ khen ngợi Ca-diếp ở trong số người không biết khác gọi là ít có. Văn này cũng được khen ngợi đầy đủ khác đồng, “Có thể biết Như lai tùy nghi nói pháp” là khen ngợi biết khác, “năng tin năng nhận” là khen ngợi biết đồng.

Căn cứ kệ có năm mươi bốn hàng rưỡi chia làm hai:

1) Bốn hàng tụng pháp nói về hai trí quyền thật.

2) Năm mươi hàng rưỡi tụng thí nói về hình tiếng lợi ích chúng sinh.

Trên pháp nói có tám môn, nay chuyển thế nói pháp, khen ngợi ý Chư Phật ra đời, nói về xưa nay có, nói nín không đồng, chia làm bốn chương:

1) Kệ khen ngợi Phật xưa tùy nghi quyền nói.

2) Kệ nói Như lai ngày xưa không nói pháp thật.

3) Giải thích Phật xưa không nói ý thật.

4) Giải thích ý xưa nói quyền.

“Pháp vương phá các cõi”: có người nói phá hai mươi lăm hữu gọi là phá hữu, như Niết-bàn nói về đặc hai mươi lăm Tam-muội phá hai mươi lăm hữu; Như lai tự phá hai mươi lăm hữu vượt ngoài sanh tử ở ngôi vị Pháp vương, nay ra đời cũng vì chúng sanh phá hai mươi lăm hữu. Lại nói phá hữu; chúng sanh phần nhiều đắm chấp cho nên dùng hoa đốm để phá. Như Trung Luận chép: Đại Thánh nói pháp không vì là các kiến, nhưng hai ý này đều là thiên dùng. Văn nay nói phá hữu: là phá tất cả chỗ có sở đắc; vốn cho rằng có sanh tử nên vì nói Ba thừa. Lại nói có ba phá ba nói một, liền chấp. Nơi một nên nói chẳng ba chẳng

một tức pháp Trung đạo. Lại nói có hai thứ này chẳng phải Trung đạo thì cuối cùng không tránh khỏi hữu, nay phá hữu kiến này cho nên nói phá hữu.

“Đức Như lai tôn trọng...” là nói về xưa không nói thật. Nửa bài trên là nói người không nói, nửa bài kệ dưới là nói việc không nói, tiêu biểu siêu phàm Thánh gọi là tôn, đức không ai bằng gọi là trọng, đây là khen ngợi người. “Trí tuệ rất sâu xa”: Đọc không thấy tận đáy gọi là sâu, ngang không sánh bờ bến kia gọi là xa, đây là khen ngợi đức bên trong của Phật, “Lâu không nói pháp yếu...” pháp yếu tức bình đẳng đại bi, nội chứng pháp này gọi là không nói. “Không việc gì nói ngay:” là xưa không vội nói ngay. Lại nói vụ là sự việc. Đức Phật xưa không dùng việc Đại thừa ngay cho người nghe. “Người trí nếu được nghe v.v...” là giải thích ý Phật xưa không nói.

Nói về không nói kia có hai ý:

1) Chí đạo không nói tức trái đạo, vì vậy nên không nói. Nên Tăng Triệu chép: Đức Thích-ca đóng cửa thất ở Ma Kiệt, Tịnh Danh ngâm miệng ở Tỳ-da đầu gọi là không nói, nói chỗ không thể nói.

2) Như nay vẫn nói về sự căn tình chưa kham liền sanh nghi chê bai nên không nói.

“Ca-diếp! vì cố đó v.v...” là giải thích ý xưa nói quyền. “Khiến chánh đắc chánh kiến v.v...” chánh kiến tức chánh quán, chánh quán rất khó chánh khắp. Chư Phật ba đời các nhân duyên giúp người chứng đắc.

“Ca-diếp ông nên biết v.v...” là tụng tám thí dụ, vẫn này không theo thí dụ vốn thứ lớp mà tụng, cũng không y hiệp dụ trước sau tụng, chỉ chuyển thế nói pháp lại chỉ bày một pháp môn:

- 1) Tụng mây.
- 2) Tụng hai dụ.
- 3) Tụng về đất.
- 4) Tụng cây cỏ.
- 5) Tụng thấm nhuần.
- 6) Tụng thêm lớn.

7,8) Hai thí dụ đồng khác hiệp mà tụng. Phải trước giăng mây rồi sau mưa rơi xuống nên trước nói mây mưa, mây mưa là nắng thấm nhuần, mặt đất cỏ cây là chỗ thấm nhuần, cho nên trước nói mây mưa, kế nói mặt đất cỏ cây. Mặt đất cỏ cây nhận nơi mây mưa cho nên kế nêu thấm nhuần, thấm nhuần nên thêm lớn, nắng sợ thọ nhận có đồng có khác, cho nên kế luận. Trước đó Như lai ra đời nên ở đầu nói giăng

mây, do ra đời nên nói pháp dụ như mưa rơi, chúng sanh sở dĩ cảm hình tiếng Phật, là do quá khứ Phật giáo sanh gốc lành cho nên nói mặt đất và cỏ cây. Đã có gốc lành đời trước chứa nhóm nên bắt đầu nghe nói giáo vui mừng ví như thấm nhuần, theo giáo lợi ích nên thêm lớn, chí lý không hai tùy duyên sai khác nên kể là nói đồng khác. Trong thí dụ mây trong văn xuôi lược nay kê rộng, gồm có mười thứ khen ngợi.

1. *Mây lớn*: Nghĩa là lược khen ngợi tiểu. Như Luân vương ra đời đem mười điều thiện giáo hóa muôn vật cho đến Phạm nói nghiêng lệch luận xuất dục đều là tiểu lợi ích gọi là mây nhỏ, cho đến Nhị thừa Bồ-tát không thể lợi ích khắp đều gọi là mây nhỏ.

2. “*Che trùm khắp tất cả v.v....*” là bình đẳng khen ngợi. Luận Trí Độ chép: trời Ma-hê-thủ-la, trời Vi nữ, trời Cưu-ma-la-già nếu thường thì chúng sanh liền đều được sở nguyện, nếu ghét thì khiến bảy đời đều diệt, cho nên chẳng bình đẳng lợi ích khắp. Kinh Hoa Nghiêm nói Đại long vương nổi mây từ Bốn thiên hạ cho đến sáu tầng trời cõi Dục đều che phủ, tùy chỗ thấy mà giăng mây tùy chỗ ưa mà mưa xuống, Đức Như lai nói pháp cũng vậy. Đối với Bốn sanh, sáu đường tùy chỗ thấy mà thị hiện hình, tùy chỗ nghe mà nói pháp, đồng xem tất cả cũng như con đỏ, cho nên cất tay không buồn, đỡ chân không vui, thiện ác mình, người từ bi che khắp không hai cho nên nói che trùm khắp tất cả.

3. *Mây trí tuệ (chứa nhuần)*: là khen ngợi trí tuệ sắc bén, có mây giăng mà không lợi ích, mây này có lợi ích cho nên gọi mây trí tuệ, Như lai cũng giống như vậy, thị hiện thân nói pháp có thể duyên lợi ích.

4. *Hàm chứa v.v...* là bao gồm khen ngợi đức, tự có mây không thể mưa xuống, nay là có mây chứa nước cho nên gồm chứa thấm nhuần. Thân Như lai do Đại từ huân đức cho nên thù ứng chắc chắn có khả năng lợi ích chúng sinh.

5. “*Chớp nhoáng sáng chói lòa*”: là khen ngợi phát ra ánh sáng. Kinh Hoa Nghiêm chép: Như Đại long vương từ Bốn thiên hạ đến lục cung trời tùy chỗ ứng thấy xuất hiện các màu ánh sáng, hoặc sắc vàng Diêm phù đàm cho đến các màu sắc bảy báu v.v... Đức Như lai cũng vậy, khi sắp nói pháp tùy chỗ thấy các ánh sáng xuất hiện.

6. “*Tiếng sấm xa rung chuyển...*” khen ngợi xa nghe. Kinh Hoa Nghiêm chép: Như Đại long vương từ bốn thiên hạ đến lục cung trời tùy chỗ nghe phát ra các âm thanh, hoặc âm thanh trời, hoặc tiếng nhạc cho đến trong loài người liền nghe tiếng sấm. Nay chọn tiếng sấm làm dụ nghĩa là năng sanh gốc lành cho chúng sanh năm thừa, năng giác ngộ vô minh cho chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm chép: Thông minh không sợ

xếp vào chớp sáng, rung chuyển thật nghe như sấm.

7. **“*Khiến mọi loài vui đẹp*”**: xứng duyên khen ngợi. Kinh Hoa Nghiêm chép: Tùy chỗ thấy mà giảng mây, tùy chỗ nghe mà sấm động cho nên chẳng có gì không vui, hình tiếng của Đức Phật cũng vậy.

8. **“*Ánh sáng mặt trời bị che khuất*”**: là khen ngợi phá tà. Mây chưa giăng thì mặt trời có ngàn ánh sáng, do mây giăng nên ánh sáng mặt trời bị che, Đức Phật chưa ra đời thì có ánh sáng của chín mươi sáu thứ tà kiến, khi Phật đã ra đời thì che khuất ánh sáng ấy.

9. **“*Trên mặt đất mát mẻ*”**: là khen ngợi sanh vui mừng. Do ánh sáng mặt trời nên chúng sanh bị nóng bức, do tà giáo nên có tà kiến nóng bức, Đức Phật ra đời phá tà kiến tức tâm địa chúng sanh không có tà kiến nóng bức được chánh kiến trong mát.

10. **“*Mây mù sa bủa gôn, như có thể nắm tới*”** khen ngợi không nghĩ bàn. Mây đen sắc màu tối sẫm ví như thân đại từ sâu dày hiển hiện giống như mây mù, ứng đến muôn vật như sa bủa, tùy chỗ thấy mà hiện hình khắp nên gọi là che phủ. Như có thể nắm lấy ở bên cho đến để dưới. Như lai tùy thuận vật như có thể nắm theo, nhưng khác nhau chúng sanh nên không thể nắm giữ, tức là chẳng thể nghĩ bàn.

“Trận mưa đổ khắp cùng”: là lợi ích cùng khắp gọi là khắp, không riêng tư gọi là cùng. “Bốn phương đều rưới xuống”: là từ bốn tâm vô lượng xuất ra khắp lợi ích bốn sanh. “Dòng nước tuôn vô lượng”: trí tuệ biện tài không ngừng chắc chắn thông suốt. “Núi sông hang hiểm: là tưng thí dụ mặt đất. “Sanh ra các cây cối”: Sanh ra các cỏ thuốc. Nhờ nước mưa thấm nhuần: tức thí dụ thấm nhuần. Người chưa sanh thiện khiến cho họ sanh thiện như “đất khô khắp được thấm”, người có gốc lành khiến cho họ tăng trưởng như “thuốc cây đều sum suê”. Tất cả các thứ cây là tưng thí dụ tăng trưởng. Theo thể tướng của nó: hiệp tưng nghĩa đồng khác.

“Đức Phật cũng như vậy” v.v.... là tưng hiệp dụ. Giải thích hiệp dụ khác nhau, nay chia làm hai:

1) Chánh hiệp dụ.

2) Hai bài sau cuối lặp lại khai thị quyền thật, căn cứ hợp thí ở đầu không đồng với văn xuôi ở trên.

Trong văn xuôi chia làm hai:

1) Hiệp năm dụ trước.

2) Kế hiệp dụ đồng khác.

Trong hiệp năm dụ:

1) Hiệp mây.

- 2) Hiệp cỏ cây.
- 3) Hiệp mưa.
- 4) Hiệp thấm nhuần.
- 5) Hiệp thêm lớn.

Nay chuyển thế nói pháp chánh hiệp bốn dụ gồm hiệp bốn dụ còn lại. Chánh hiệp bốn dụ:

- 1) Hiệp mây.
- 2) Hiệp mưa.
- 3) Hiệp thấm nhuần.
- 4) Hiệp thêm lớn.

Mây mưa là hình tiếng năng ứng, thấm nhuần thêm lớn là lợi ích sở cảm, bốn nghĩa đã chủ yếu nên chánh hợp. bốn thứ còn lại hợp đến văn sẽ nói. Trong văn xuôi hiệp mưa làm hai:

- 1) Chánh hiệp.
- 2) Khuyên chúng đến nghe, nay lại tụng hai thứ này.

Trên hiệp mây có bốn:

- 1) Nêu hình Phật hiệp mây.
- 2) Nêu âm thanh Phật hiệp mây.
- 3) Nêu danh hiệu Phật hiệp mây.
- 4) Nêu đức của Phật hiệp mây.

Nay tụng đủ. Ban đầu một bài kệ tụng thứ nhất, một bài kệ kế tụng thứ hai, kế một bài rưỡi tụng thứ ba. “Xuất hiện ở thế gian v.v...” hai bài tụng thứ tư nêu đức hiệp mây. Trong văn xuôi nêu năm thứ đức để hiệp mây, nay chỉ nêu hai: năm câu nêu đức đại bi hiệp mây, ba câu nêu Đức đại từ hiệp mây. Đại bi cứu khổ như mây năng ngăn lia các sự nóng bức, đại từ cho vui như mây có công năng thấm nhuần, “Vì an ổn chúng sanh” là vui hiện đời. “Hưởng sự vui thế gian là vui đời sau. “Cùng sự vui Niết-bàn” là vui xuất thế gian. Lại vui thế gian là vui sanh báo, vui Niết-bàn là vui hậu báo. Chú giải kinh rằng: được vui an ổn là vui Nhị thừa, vui thế gian là vui trời người, vui Niết-bàn là Đại thừa.

“Các chúng trời người này...” hai bài kệ tụng văn xuôi thứ hai khuyên chúng nghe nhận. Bài kệ đầu chính là khuyên chúng đến nghe. Kế hai bài kệ giải thích ý khuyên nghe nhận. Trên nửa bài phân biệt khác tà sư tức trên khen ngợi Phật, kế nửa hàng là dưới lợi ích chúng sanh.

“Vì các đại chúng nói”... là tám bài kệ tụng hiệp hai thí dụ. Đây lại chia làm ba phần:

- 1) Mượn nghĩa mưa một vị để hiệp dụ.

2) Mượn nghĩa mưa bình đẳng để hiệp dụ.

3) Mượn nghĩa mưa không mỗi một để hiệp dụ.

Sở dĩ chỉ nói ba nghĩa này: là vì phần đầu nêu pháp Phật nói vì lý Nhất thừa, phần hai giáo tâm bình đẳng đồng vì người năm thừa khiến đồng quy tụ về lý Nhất thừa, cuối cùng khen ngợi Phật vì chúng nói pháp không có mỗi một. Ba phần mỗi phần đều có hai: phần đầu có hai:

1) Nêu pháp Phật nói không có hai lý như mưa chỉ có một vị, đây tức gồm hợp trên nói một tướng một vị.

2) Một hàng nêu pháp Phật nói không hai âm năng diễn cũng một, “thường vì Đại thừa mà làm nhân duyên”: xưa tuy nói vị năm thừa, đây là vì Đại thừa làm nhân duyên!

Phần hai có “ta xem tất cả chúng” v.v... hai bài rưới mượn nghĩa mưa bình đẳng chúng hiệp dụ, cũng chia làm hai:

1) một bài khen ngợi Phật tâm bình đẳng.

2) một bài rưới khen ngợi Phật nói bình đẳng. Phần ba: “Thường giảng nói pháp luôn v.v...”

Ba hàng rưới mượn nghĩa mưa không mỗi một để hiệp dụ, văn này cũng có hai:

1) Một hàng rưới nêu người năng hóa không mỗi một.

2) “Sang hèn và thượng hạ v.v....” hai bài nêu người sở hóa hiển thành năng hóa v.v... nói pháp không mỗi một, đây là gồm hiệp nghĩa cỏ cây.

“Tất cả hàng chúng sanh v.v...” mười một bài kệ hợp thí dụ thấm nhuần. Văn chia làm ba phần:

1) Tám hàng kệ chánh hiệp thấm nhuần.

2) Một hàng rưới nói lý đồng tùy duyên lợi ích có khác.

3) Một hàng rưới kệ khen ngợi Đức Phật.

Phần một văn chia làm hai:

1) Một hàng nói chung thấm nhuần.

2) Bảy hàng chi tiết hợp ba cỏ, hai cây thấm nhuần khác nhau. Ba cỏ, hai cây đã là tên gọi của giáo Pháp Hoa, nay lược trình bày ba cỏ là ba hạng cỏ thượng, trung, hạ. Hai cây: lớn nhỏ hai cây, đây là không giai cấp và giai cấp nên khai các vị khác nhau, không như người có sở đắc mà cố định giải thành nghĩa cạn sâu. Vì sao? Vì trong kinh nói giai cấp không nhất định, hoặc nói mới phát tâm liền thành Chánh giác, hoặc nói trải qua nhiều kiếp lâu xa tu hành mới chứng Bồ-đề, hoặc khuyên khởi đạo ý khiến trụ bất thoái chuyển, hoặc nói thật không phát

tâm cũng không thoái đều là khéo léo hóa vật không thể tướng chấp nhất định. Nay chỉ theo hướng nghĩa cạn sâu cho nên nói ba cỏ hai cây. Trời người gọi là thừa thế gian gọi là cỏ nhỏ, Thanh văn Duyên giác là xuất thế gian thừa gọi là cỏ vừa, Địa tiền bốn mươi tâm là Đại thừa gọi là cỏ lớn. Nếu y cứ nghĩa Vô sanh nhẫn mà phán xét thì Sơ địa mới đắc vô sanh nhẫn nông cạn gọi là cây nhỏ, Thất địa thâm nhập vô sanh nhẫn gọi là cây lớn. luận Trí Độ giải thích vô sanh có hai vị:

- 1) Sơ địa.
- 2) Thất địa.

Sở dĩ chia hai vị. Là nếu căn cứ hai nhẫn nói về nghĩa, thì Địa tiền phạm vị gọi là thuận nhẫn, Sơ địa trở lên đã là Thánh vị gọi là Vô sanh nhẫn. Nếu dựa theo năm nhẫn giải nghĩa thì địa tiền là Phục nhẫn, ba địa là Tín nhẫn, kế ba địa là Thuận nhẫn, kế ba địa là Vô sanh nhẫn. Nếu y kinh Anh lạc thì ba địa sau gọi là Tịch diệt nhẫn nghĩa là ba địa: Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác. Nếu theo kinh Nhân vương chỉ hai địa sau gọi là Pháp vân địa Phật địa; Thất địa đã là đầu của vô sinh nên gọi là vô sanh nhẫn. Nếu chia công dụng vô công dụng chia làm hai vị thì Sơ địa đến Thất địa gọi là công dụng là cây nhỏ, từ Bát địa đến Đẳng giác địa là vô công dụng đạo gọi là cây lớn. Kinh luận khác nhau mà có đủ hai nghĩa: theo kinh này phán vị: ba cỏ hai cây chia chung ba ba vị: trời người là hạ phẩm, Nhị thừa là trung phẩm, Bồ-tát là thượng phẩm. Trong Bồ-tát tự chia ba phẩm: Địa tiền bốn mươi tâm là hạ phẩm, Đẳng Địa trở lên cũng chia hai phẩm, nếu vậy người Nhị thừa đã gọi là cỏ vừa không bằng cỏ lớn, liền biết người ở trước Thập tín. Sự luận Thành Thật không nên nói La-hán và Lục địa ngang bằng công. Lại phẩm Thí dụ chép: người Thanh văn do sức tin nên nhập Nhất thừa, nên biết chưa hồi Tiểu nhập Đại là ở trước Thập tín.

Hỏi: Ba cỏ hai cây và năm thừa nghĩa có gì khác?

Đáp: Cả hai xen lẫn có khai hiệp khác nhau, năm thừa tức khai cạn hiệp sâu: ba cỏ hai cây tức khai sâu hiệp cạn. Khai cạn hiệp sâu: chia cỏ nhỏ thành hai thừa trời người khai cỏ vừa làm Thanh văn Duyên giác. Hiệp sâu: hợp chung Đại thừa nhân quả đều nhập Phật thừa.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: Năm thừa giáo đều dùng nghĩa quả nêu thừa, cho nên phẩm Thí dụ chép: ba xe ở bên ngoài tức dùng ba quả làm Ba thừa. Bồ-tát vì cầu quả Phật nên lại xếp vào quả Phật thừa vui trời người gọi là thừa, vì cầu quả an vui ở cõi trời, cõi người nên tu hai hạnh trời người, cho nên dùng quả nêu thừa, vì muốn dẫn chúng sanh khiến tu nhân đến quả nên

dùng năm thừa nói về nghĩa, đó là khai cạn hiệp sâu.

Ba cỏ hai cây khai sâu hiệp cạn: Hiệp bốn thừa trước làm cỏ tiểu và trung, lấy trời người làm cỏ tiểu, lấy Nhị thừa làm trung. Khai sâu: khai Đại thừa làm ba phẩm: tức cỏ lớn và hai cây, sở dĩ vậy là vì phò trợ kinh này tán dương giáo Bồ-tát pháp của Đại thừa, nói về trời người còn ở trong nhà lửa ba cõi, Nhị thừa chưa vượt qua năm trăm do tuần, vì vậy nên hiệp cạn mà khai sâu. Lại năm thừa nói nghĩa tức có thừa quả Phật thừa. Ba cỏ hai cây chỉ chọn nhân thừa không nêu quả Phật, vì sao? Vì năm thừa muốn đem năm quả dẫn chúng sanh nên nói quả Phật là thừa, nay nêu ba cỏ hai cây nghĩa thấm nhuần thêm lớn cho nên chỉ nói nhân. Lại giáo xưa khai rõ nghĩa khai nên khai thế gian thành hai thừa nhân, thiên, khai xuất thế gian thành Ba thừa nên thành năm thừa. Nay muốn hiển nghĩa hiệp cho nên hiệp thế gian thành một, hiệp Nhị thừa thành một, nên hiệp bốn thừa kia trở về Nhất thừa. Nhưng trong Nhất thừa tự khai ba vị:

- 1) Địa tiền bốn mươi tâm là cỏ lớn.
- 2) Sơ địa trở lên là cây nhỏ.
- 3) Bát địa trở lên là cây lớn.

Hỏi: Đây cùng với bốn thứ trọng trách trong kinh Thắng-man có gì khác?

Đáp: Kinh ấy nói về do mặt đất nên có bốn thứ trọng trách, do nhiếp thọ chánh pháp nên có bốn thừa: hiệp trời người làm một, chia Nhị thừa làm hai, hiệp Đại thừa nhân quả thành một. Cùng năm thứ thiện trong luận Trí Độ nghĩa kia khác nhau, không cần phải hiệp.

Chi tiết tụng ba cỏ hai cây chia làm năm đoạn:

- 1) Một hàng nói cỏ nhỏ.
- 2) Hai hàng nói cỏ vừa.
- 3) Một hàng nêu cỏ lớn.
- 4) Một hàng rưới nói cây nhỏ.
- 5) một bài rưới nêu cây lớn.

“Phật chỉ bình đẳng nói v.v...” một bài rưới nêu lý Nhất thừa mà tùy chúng sanh được lợi ích có khác, tức bao gồm hợp thí dụ thứ bảy, tám đồng khác ở trên.

Hỏi: Vì sao hiệp thấm nhuần tức hợp đồng khác?

Đáp: Trên hiệp mây mưa nói về nghĩa đồng cho nên nói pháp kia chỉ một vị là giải thoát Niết-bàn. Kế hiệp thấm nhuần nêu ba cỏ hai cây khác nhau, nay muốn luận nghĩa đồng khác kia, nói về lý chỉ có một tùy năm hạng người nên có năm thứ khác nhau.

“Phật dùng thí dụ này v.v....” khen ngợi trí tuệ Phật có một hàng rười kệ. “Như một giọt nước trong biển:” Trên phẩm Tín Giải nói mười dụ mười ân khen ngợi đức của Phật, lúc bấy giờ chúng cho rằng đức của Như lai bốn vị đại Thanh văn đã nói hết. Cho nên đầu phẩm này nêu tám pháp tám dụ để nói lên Như lai lại có vô lượng công đức, khi ấy đại chúng liền lại cho rằng khen ngợi đức của Phật đã hết, nên nay nói về tụy lập thí dụ này mà đối với trí tuệ Phật chỉ như một giọt nước trong biển mà thôi!

“Ta rười trận mưa pháp v.v....” mười một bài rười kệ hợp thí dụ thêm lớn. Văn cũng có ba:

- 1) Tám hàng rười hiệp thêm lớn.
- 2) Một hàng rười nêu lý Nhất thừa tùy người được lợi ích khác nhau.
- 3) Một hàng rười khen ngợi Chư Phật.

Trước thắm nhuần có ba phần, thêm lớn cũng có ba, dùng khoa kinh này đối văn rất tiện, xưa nói khác đây phải nên sửa đổi. Tám hàng rười đầu lại chia làm hai:

- 1) Ba hàng rười hợp chung thêm lớn.
- 2) Năm hàng biệt hiệp thêm lớn.

Ba hàng rười đầu lại có ba:

- 1) Một hàng pháp nói.
- 2) Một hàng nói thí.
- 3) Một hàng rười hợp thí.

“Hàng Thanh văn Duyên giác v.v...” Năm hàng là biệt hiệp, văn cũng có ba:

- 1) Một hàng rười hiệp cỏ vừa thêm lớn.
- 2) Một hàng rười hiệp cây nhỏ thêm lớn.
- 3) Hai hàng hiệp cây lớn thêm lớn, cho nên hiệp chung có ba biệt hiệp cũng ba.

Hỏi: Vì sao không hợp cỏ nhỏ cùng cỏ lớn ư?

Đáp: Trước trong thắm nhuần đã hiệp đủ cho nên nay lược hai cỏ kia.

Hỏi: Đồng là lược, vì sao hiệp cỏ vừa ư?

Đáp: Cỏ vừa là hai Thánh Tiểu thừa, hai cây là hai Thánh Đại thừa đồng là nghĩa Thánh vị thêm lớn rõ ràng, cho nên hiệp, cỏ nhỏ là phàm trong Tiểu thừa, cỏ lớn là phàm trong Đại thừa, đã đồng là nghĩa phàm thêm lớn không rõ ràng nên lược không hợp. Lại 1 nghĩa: hai thứ phàm trước nhập nhiếp trong hợp chung, do đó văn chép: khiến cho các

các thế gian đều khắp được đầy đủ. Thế gian tức hai phàm, chỉ phàm nghĩa là thêm lớn không rõ ràng cho nên xếp vào hợp chung. Thêm lớn ý ở quả Thánh do đó hiệp riêng.

Hỏi: Thấm nhuần cũng nói về ba cỏ hai cây, thêm lớn cũng nói về ba cỏ hai cây có gì khác?

Đáp: thấm nhuần dựa theo nhân cây cỏ, thêm lớn nói về quả cây cỏ, chỉ vì y cứ nhân nói thấm nhuần không rõ ràng nên trước văn mượn quả nói.

Hỏi: Trong hiệp cây lớn nói. “Nghe nói các pháp Không, tâm sanh rất vui mừng” thế nào là Không ư?

Đáp: tức ở trên chép: rất ráo Niết-bàn thường vắng lặng tướng cuối cùng trở về nơi Không, bởi nêu pháp của quả vị Niết-bàn cho nên cây lớn nhân người nghe vui mừng. Luận Trí Độ chép: thí như sấm động chim nhỏ nghe đều sợ chim công lớn nghe thì nhảy múa, pháp tất cánh không cũng giống như vậy vậy người Tiểu thừa nghe kinh nghi sợ hãi, bậc đại sĩ nghe thì vui mừng hơn hờ. Nếu nói chung qui là khô thân diệt trí không thì từ Bát địa trở lên Bồ-tát há sanh vui mừng!

“Như thế Ca-diếp này! v.v...” một hàng rười nêu lý chỉ là một tùy duyên được lợi ích là khác, bao gồm hợp thí dụ đồng khác ở trên, cho nên đồng khác và hai phần thấm nhuần thêm lớn gồm hiệp, vì ý chuyển thế không nên nhất nhất y theo văn xuôi. “Ca-diếp ông phải biết...” một hàng rười khen ngợi Chư Phật, trên là căn cứ khen ngợi không thể hết, nay căn cứ khen ngợi Chư Phật đồng có khéo léo.

“Nay ta vì các ông v.v...” là kết chỉ quyền thật. Kệ đầu bỏ quyền, kế kệ bày thật. “Chỗ các ông tu hành là đạo Bồ-tát.” Xưa nói đại nhân làm tiểu quả, nay chỉ tiểu quả làm đại nhân cho nên quả Nhị thừa là đạo Bồ-tát. Luận Pháp Hoa nói về nghĩa vô thượng có mười thứ: mà thứ nhất là thị hiện hạt giống vô thượng cho nên nói thí dụ mây mưa. “Chỗ các ông tu hành là đạo Bồ-tát: Nghĩa là phát tâm Bồ-đề thoái rồi lại phát, chỗ tu hành trước gốc lành không diệt đồng sau đắc quả, ý này nói bốn tâm Bồ-đề không diệt nên thiện căn này tức là hạt giống vô thượng, do hạt giống này nên nay nghe Pháp Hoa, tức là sau nhờ mây, mưa pháp được thành Phật.

Hỏi: Nếu vậy, quyết định gốc lành của Thanh văn lẽ ra chẳng phải Bồ-tát?

Đáp: Người quyết định thì là giữ giáo chấp tiểu quả, liền bị phá không hội nhập, nếu chuyển ngộ tức hội nhập mà không phá.